

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHÙNG ĐỨC NAM

2. Ngày tháng năm sinh: 21/07/1982 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Giao Hà, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 18C1, khu phố 3A, phường Thạnh Lộc, quận 12, TP. HCM

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 18C1, khu phố 3A, phường Thạnh Lộc, quận 12, TP. HCM

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0908244577 ;

E-mail: ducnam@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2005 đến năm: 2006

Chức vụ: giảng viên tập sự

Cơ quan công tác: Trường Đại học Kinh Tế TP. HCM, Khoa Tài chính doanh nghiệp

Từ năm 2006 đến năm: 2016

Chức vụ: giảng viên

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Cơ quan công tác: Trường Đại học Kinh Tế TP. HCM, Khoa Tài chính doanh nghiệp (năm 2015 đổi tên thành Khoa Tài chính)

Từ năm 2016 đến năm: 2018

Chức vụ: giảng viên, Phó trưởng bộ môn

Cơ quan công tác: Trường Đại học Kinh Tế TP. HCM, Khoa Tài chính

Từ năm 2018 đến năm: hiện tại

Chức vụ: giảng viên chính, Phó trưởng bộ môn ; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn (được bổ nhiệm từ năm 2016)

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh Tế TP. HCM, Khoa Tài chính

Địa chỉ cơ quan: B1-902, 279 Nguyễn Tri Phương, P. 5, Q. 10, TP. HCM

Điện thoại cơ quan: (028)35265830

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 08 năm 2004, ngành: Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 10 năm 2008, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế tài chính - Ngân hàng

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 12 năm 2015, ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Western Sydney (Western Sydney University), Úc

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế TP. HCM

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Tài chính doanh nghiệp: tăng trưởng và đầu tư của doanh nghiệp, đòn bẩy tài chính, hiệu quả tài chính của công ty, chính sách cổ tức của doanh nghiệp, né tránh thuế của doanh nghiệp.

Quản trị doanh nghiệp (corporate governance): cấu trúc sở hữu, chi phí đại diện trong mối quan hệ với thành quả của doanh nghiệp.

Quản lý tài chính – kế toán: quản lý thu nhập và cấu trúc vốn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 cấp quốc gia (thành viên); số lượng 05 cấp bộ (1 đề tài là chủ nhiệm và 4 đề tài là thành viên); số lượng 04 cấp cơ sở (3 đề tài là chủ nhiệm và 1 đề tài là thành viên)
- Đã công bố (số lượng) 34 bài báo KH, trong đó 05 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01 (là thành viên biên soạn), trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ Thi đua cấp Bộ: số 4343/QĐ-BGDĐT, ngày 13/11/2019; Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khen thưởng cá nhân điển hình tiên tiến, có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của UEH, giai đoạn 2015-2020: số 156/QĐ-ĐHKT-NS, ngày 15/1/2020; Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 4753/QĐ-BGDĐT, ngày 2/11/2018; Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 753/QĐ-BGDĐT, ngày 13/3/2017; Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở 2019: số 667/QĐ-ĐHKT-NS, ngày 2/3/2020; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Lao động tiên tiến 2019: số 679/QĐ-ĐHKT-NS, ngày 2/3/2020; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Giảng viên xuất sắc 2019: số 675/QĐ-ĐHKT-NS, ngày 2/3/2020; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở 2018: số 570/QĐ-ĐHKT-NHSU, ngày 1/4/2019; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Lao động tiên tiến 2018: số 571/QĐ-ĐHKT-NHSU, ngày 1/4/2019; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Giảng viên xuất sắc 2018: số 573/QĐ-ĐHKT-NHSU, ngày 1/4/2019; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở 2017: số 680/QĐ-ĐHKT-TCHC, ngày 18/4/2018; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Lao động tiên tiến 2017: số 679/QĐ-ĐHKT-TCHC, ngày 18/4/2018; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở 2016: số 665/QĐ-ĐHKT-TCHC, ngày 30/3/2017; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Lao động tiên tiến 2016: số 664/QĐ-ĐHKT-TCHC, ngày 30/3/2017; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở 2015: số 401/QĐ-ĐHKT-TCHC, ngày 4/2/2016; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Lao động tiên tiến 2015: số 404/QĐ-ĐHKT-TCHC, ngày 4/2/2016; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở 2014: số 599/QĐ-ĐHKT-TCHC, ngày 25/2/2015; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.
- Lao động tiên tiến 2014: số 598/QĐ-ĐHKT-TCHC, ngày 25/2/2015; Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trong quá trình làm việc với vai trò là giảng viên tại Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, tôi luôn nhất quán và trung thành với các đường lối, chủ trương của Đảng, các quy định của Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Tôi cũng luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM và luôn cố gắng phát huy hình ảnh của trường đối với xã hội. Để bảo đảm cho công tác đào tạo ra các sinh viên không chỉ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt mà còn có phẩm chất đạo đức trong lĩnh vực kinh tế, tôi luôn cố gắng giữ vững và trau dồi phẩm chất và đạo đức tốt đẹp của người giảng viên.

- Ngoài việc luôn giữ vững tư tưởng và đạo đức của một nhà giáo, thì từ khi làm việc tại trường thì tôi luôn hướng đến việc hoàn thành trình độ tiến sĩ để đáp ứng tốt nhất tiêu chuẩn của nhà giáo. Vì vậy, tôi đã hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ tại Đại học Western Sydney (Úc) và đóng góp cho hoạt động đào tạo theo chương trình tiên tiến của Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM thông qua việc tham gia giảng dạy các lớp giảng dạy bằng tiếng Anh, các lớp cao học cũng như các chủ đề của các lớp nghiên cứu sinh chuyên ngành Tài chính.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Thông qua các lớp bồi dưỡng được tổ chức bởi Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM, tôi luôn cập nhật và nâng cao năng lực giảng dạy, nghiệp vụ cố vấn học tập cho để bảo đảm các quyền lợi chính đáng cho sinh viên.

- Tôi tự nhận thấy có đầy đủ sức khỏe để bảo đảm cho hoạt động giáo dục và đào tạo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 14 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 / BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015				18	315		315/513/280
2	2015-2016				13	390	45	435/578/270
3	2016-2017				15	360	45	405/517,5/229,5
3 năm học cuối								
4	2017-2018				15	630	135	765/922,5/229,5
5	2018-2019			2	17	840	195	1035/1274,5/229,5
6	2019-2020			2	15	855	165	1020/1232,5/229,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Úc năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): chương trình cử nhân chất lượng cao của Trường Đại học Kinh tế TP. HCM; chương trình liên kết giữa Viện đào tạo quốc tế ISB (UEH) với Đại học Western Sydney

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): chứng chỉ Certificate of Proficiency in English (năm 2011, cấp bởi Victoria University of Wellington, New Zealand); chứng chỉ Certificate in EMI Skills – English as a Medium of Instruction (năm 2016, cấp bởi Cambridge English)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thành Nam		HVCH	x		2017-2018	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	15/9/2018
2	Trịnh Thị Hồng Ngọc		HVCH	x		2017-2018	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	15/9/2018
3	Nguyễn Linh Kim Huệ		HVCH	x		2018-2019	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	10/1/2019
4	Lê Hoàng Yến		HVCH	x		2018-2019	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	10/1/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

T T	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Mô hình tăng trưởng	CK	2019	13	GS. TS. Nguyễn	Mục 1.1, từ trang 12	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam				Đông Phong	đến trang 16 Mục 2.5, từ trang 87 đến trang 99	ngày 15/6/2020
--	---	--	--	--	------------	---	----------------

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phân ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
1	Nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Innovation) của Việt Nam thời kỳ đến năm 2030	Thành viên	KX.01.17/16-20, cấp quốc gia	2017-2019	27/03/2020, xếp loại đạt
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4	Chủ nhiệm	B2017-04, cấp bộ, đề tài nhánh thuộc đề tài cấp quốc gia KX.01.17/16-20	2017-2018	18/12/2018; xếp loại đạt yêu cầu về chất lượng
3	Tác động của việc đa dạng hóa kinh doanh lên thành quả hoạt động của các doanh	Thành viên	B2016-KSA-09, cấp bộ	2016-2017	24/04/2018; xếp loại xuất sắc

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	nghiệp niêm yết tại Việt Nam				
4	Quy mô công ty, đòn bẩy tài chính và thành quả công ty của các doanh nghiệp Việt Nam	Chủ nhiệm	CS-2017-39, Cấp trường	2017-2018	04/12/2018; xếp loại tốt
5	Tác động của cấu trúc sở hữu đến việc chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp	Chủ nhiệm	CS-2015-102, Cấp trường	2015-2016	22/12/2016; xếp loại tốt
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ					
6	Đặc điểm của hội đồng quản trị và thành quả công ty	Thành viên	CS-2014-74, Cấp trường	2014-2015	28/5/2015, xếp loại tốt
7	Sở hữu nước ngoài, cấu trúc vốn, và hiệu quả hoạt động: nghiên cứu các công ty niêm yết Việt Nam	Chủ nhiệm	CS-2014-20, Cấp trường	2013-2014	5/2/2015, xếp loại tốt
8	Tác động của thuế thu nhập đến hoạch định cấu trúc tài chính của các công ty cổ phần tại Việt Nam	Thành viên	B2009-09-78, Cấp bộ	2009-2010	11/5/2011, xếp loại xuất sắc
9	Kiểm soát chi phí đại diện ở các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hội nhập tài chính quốc tế	Thành viên	B2007-09-36, Cấp bộ	2007-2008	16/6/2009, xếp loại tốt
10	Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước độc quyền tại Việt Nam	Thành viên	B2006-09-18, Cấp bộ	2006-2007	23/12/2008, xếp loại tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	CEO human capital and economic performance: evidence from Vietnam	3	x	International Journal of Services and Operations Management / ISSN online 1744-2389, ISSN print 1744-2370	Scopus (Q3)		Được chấp nhận đăng bài tại năm 2019	
2	Ảnh hưởng của đòn bẩy tài chính lên quản lý thu nhập trong các công ty	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia 2020 “Kế toán, kiểm toán và tài chính việt nam: Xu hướng và triển vọng” / ISBN 978-604-79-2454-7			Trang 672-693	2020
3	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với các quốc gia đang phát triển	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia “Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc lựa chọn mô hình và giải pháp thực hiện mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam đến năm 2030” / ISBN 978-604-922-751-6			Trang 35-45	2019
4	Thực trạng và mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian qua	1	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia “Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc lựa chọn mô hình và giải pháp thực hiện mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới			Trang 46-61	2019

				sáng tạo ở Việt Nam đến năm 2030” / ISBN 978-604-922-751-6				
5	Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo – một số bài học cho Việt Nam	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia “Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc lựa chọn mô hình và giải pháp thực hiện mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam đến năm 2030” / ISBN 978-604-922-751-6			Trang 62-88	2019
6	Tăng trưởng kinh tế và phát triển tài chính: bằng chứng từ một số quốc gia khu vực châu Á Thái Bình Dương	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia “Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc lựa chọn mô hình và giải pháp thực hiện mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam đến năm 2030” / ISBN 978-604-922-751-6			Trang 141-159	2019
7	Đổi mới sáng tạo công nghệ trong lĩnh vực bảo hiểm	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia “Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc lựa chọn mô hình và giải pháp thực hiện mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam đến năm 2030” / ISBN 978-604-922-751-6			Trang 241-248	2019
8	Quy mô công ty, đòn bẩy tài chính và thành quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam	2	x	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á, số 163, tháng 10-2019 / ISSN 1859-3682			Số 163 tháng 10/2019, trang 81-97	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

9	Leverage and investment: a view of prominent role of state ownership	2	x	International Journal of Banking, Accounting and Finance, 10(2), 181-212 / ISSN print 1755-3830, ISSN online 1755-3849	Scopus (Q4)		Tập 10, số 2, trang 181-212	2019
10	Ngôn ngữ lạc quan của báo cáo thường niên và tài trợ doanh nghiệp: Bằng chứng tại Việt Nam	3		Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á, số 12/2018 / ISSN 2615-9104			Năm thứ 29, Số 12 (2018), trang 05-24	2019
11	Government Size and Economic Growth in Asia-Evidence from China and Japan	2	x	Asian Economic and Financial Review 8 (1), 71-89 / ISSN (P) 2305-2147, ISSN (E) 2222-6737		2	Tập 8, Số 1 năm 2018, trang 71-89	2018
12	Né tránh thuế, cấu trúc sở hữu và giá trị doanh nghiệp: Bằng chứng tại Việt Nam	3		Phát triển & Hội nhập, số 38(48), tháng 1-2/2018 / ISSN 1859-428X			Số 38(48) tháng 1-2/2018, trang 17-24	2018
13	Ảnh hưởng của khả năng thanh khoản cổ phiếu đến chính sách chi trả cổ tức: bằng chứng thực nghiệm từ các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)	3	x	Tạp chí khoa học Đại học Đà Lạt, tập 8 số 15, 133-144 / ISSN 0866-787X			Tập 8, số 15, trang 133-144	2018
14	Ảnh hưởng của phát triển tài chính và cấu trúc tài chính lên hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp được	3	x	Mô hình trong tài chính: Lý thuyết và thực nghiệm, Nhà xuất bản kinh tế Tp.HCM, ISBN: 978-604-922-641-0			Trang 157-173	2018

	niêm yết trên thị trường chứng khoán TP.HCM							
15	Tác động của đòn bẩy lên quản trị lợi nhuận dồn tích của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	3	x	Nghiên cứu và đào tạo kế toán, kiểm toán, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, ISBN 978-604-65-3555-3			Trang 163-173	2018
16	Ảnh hưởng của khả năng thanh khoản của cổ phiếu đến chính sách chi trả cổ tức của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)	3	x	Kế toán – Kiểm toán – Tài chính Việt Nam Thực trạng và phương hướng hoàn thiện, Nhà xuất bản tài chính / ISBN: 978-604-79-1828-7			Trang 674-683	2018
17	Tác động của chi tiêu nghiên cứu và phát triển đến tăng trưởng kinh tế của quốc gia	3	x	Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ, và đổi mới sáng tạo (STI), Nhà xuất bản kinh tế TP.HCM / ISBN 978-604-922-616-8			Trang 261-274	2017
18	Nguồn vốn con người và tăng trưởng kinh tế - tổng quan lý thuyết và thực trạng nguồn vốn con người tại Việt Nam	3		Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ, và đổi mới sáng tạo (STI), Nhà xuất bản kinh tế TP.HCM / ISBN 978-604-922-616-8			Trang 157-182	2017
19	Sở hữu nhà nước và hành vi chấp nhận rủi ro: Trường hợp các công ty niêm yết Việt Nam	1	x	Tạp chí Phát triển Kinh tế 28(2), 44-60, ISSN 1859-1124			Năm thứ 28, số 2 tháng 2/2017, trang 44-60	2017

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

20	Sở hữu nước ngoài và chấp nhận rủi ro của các doanh nghiệp Việt Nam	2	x	Tạp chí Phát triển & hội nhập số 34 (44) Tháng 05-06/2017, ISSN 1859-428X			Số 34(44), tháng 5-6/2017, trang 13-18	2017
21	Sở hữu tập trung và hành vi chấp nhận rủi ro tại các công ty niêm yết Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học Quản lý & Kinh tế, số 2 tháng 3/2017, ISSN 2354-1350			Số 02 tháng 3/2017, trang 31-42	2017
22	Corporation Diversification and Firm Performance: Evidence from Vietnamese Listed Firms	2	x	Australian Economic Papers, 55, 386– 408 / Online ISSN 1467-8454, Print ISSN 0004-900X	SSCI, Scopus (Q2)	12	Tập 55, số 4, trang 386-408	2016
23	Ownership Structure and Firm Performance: Evidence from Vietnamese Listed Firms	2	x	Australian Economic Papers, 55, 63– 98 / ISSN 1467-8454, Print ISSN 0004-900X	SSCI, Scopus (Q2)	67	Tập 55, số 1, trang 63-98	2016
24	Ownership structure and corporate diversification decision: A study of Vietnamese listed firms	4	x	Corporate Ownership and Control vol. 13, issue 3 / ISSN 1810-3057	Scopus (Q3 năm 2016)	1	Tập 13, số 3, trang 228-235	2016
25	Corporate diversification and firm performance: Evidence from Vietnamese listed firms	2	x	International Conference on Asia-Pacific Economic & Financial Development. UEH, Ho Chi Minh city, Vietnam, July 24-26, 2016, Nhà xuất bản kinh tế Tp.HCM / ISBN: 978-604-922-361-7			Trang 14	2016

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

26	Hiệp định TPP và những tác động đến xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài	2		Tạp chí Tài chính, kỳ 1 tháng 6/2016 (634) / ISSN 005-56			Kỳ 1 tháng 6/2016 (634), trang 44-46	2016
27	Quản trị doanh nghiệp và chính sách cổ tức dưới góc độ vấn đề đại diện và hạn chế tài chính bên ngoài	2	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế dành cho các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh lần thứ hai “Doanh nghiệp Việt Nam trong TPP” (ICYREB 2016), Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM, 2016 / ISBN 978-604-922-422-5			Trang 229-248	2016
28	Ảnh hưởng của các cơ hội tăng trưởng lên đòn bẩy của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	3	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế dành cho các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh lần thứ hai “Doanh nghiệp Việt Nam trong TPP” (ICYREB 2016), Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM, 2016 / ISBN 978-604-922-422-5			Trang 885-900	2016
29	Tác động của cấu trúc sở hữu đến quyết định đa dạng hóa kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết Việt Nam	2	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế dành cho các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh lần thứ nhất (ICYREB 2015), Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân, tháng 12/2015 / ISBN 978-604-946-051-7			Trang 493-508	2015
Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
30	Tính độc lập của hội đồng quản	3		Công nghệ ngân hàng, tháng 10/2015, Số 115, ISSN 1859-3682			Số 115 (tháng 10/2015)	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	trị và thành quả công ty						5), trang 54-62	
31	Giới tính, sở hữu nhà nước và thành quả công ty	3		Phát triển kinh tế, Tháng 08/2015, số 26(8) / ISSN 1859-1124		1	Năm thứ 26, số 8, trang 111-128	2015
32	Đòn bẩy và hoạt động đầu tư: Vai trò của tăng trưởng và sở hữu nhà nước	3		Phát triển & hội nhập, Tháng 5-6/2014, Số 16(26) / ISSN 1859-428X			Số 16(26), trang 33-40	2014
33	Foreign Ownership, Capital Structure and Firm Performance: Empirical Evidence from Vietnamese Listed Firms	2	x	IUP Journal of Corporate Governance; 4-2013, Vol. 12 Issue 2, p40 / ISSN 0972-6853		58	Tập 12, số 2, trang 40-58	2013
34	Corporate ownership and firm performance in emerging market: A study of Vietnamese listed firms	2	x	Proceedings of World Business and Social Science Research Conference 24-25 October, 2013, Novotel Bangkok on Siam Square, Bangkok, Thailand, ISBN 978-1-922069-33-7		39		2013

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

T	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

...					
-----	--	--	--	--	--

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

T T	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

T T	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng
ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phùng Đức Nam